

Bản án số: 75/2023/HS-ST
Ngày: 24-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1- Trần Văn Bc1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Giới tính nam. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp 18, xã BB, huyện Thới Bình, Cà Mau. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 6/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị L; vợ là Trần Thị Kiều N và có 01 con, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

2- Sử Thị Bc2, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1969 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp 18, xã BB, huyện Thới Bình, Cà Mau. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 3/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Sử Hòa B (đã chết); và bà Nguyễn Thị G (đã chết); chồng là Dương Văn M và có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3- Trần Thị Bc3, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1983 tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT: ấp 10B, xã TH, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau; Nơi cư trú: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 3/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Trần Văn N; và bà Huỳnh Thị D; chồng là Phạm Minh T và có 01 con, sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4- Phạm Thị Bc4, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1980 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 5/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Phạm Văn Đ (đã chết); và bà Nguyễn Thị N; chồng là Trần Minh T và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5- Lê Thị Bc5, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1962 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 1/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Lê Văn B (đã chết); và bà Lê Thị H; chồng là Võ Văn H và có 05 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6- Lê Thị Bc6, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 7/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Lê Văn D; và bà Nguyễn Thị T; chồng là Hồ Văn x và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 22/10/2017 có hành vi Đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang phạt tiền 10.000.000 đồng, theo Bản án số: 12/2018/HSST ngày 04/5/2018. Chấp hành xong ngày 23/4/2019 (Đã xóa án tích); Ngày 16/02/2020, bị Công an huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau bắt về hành vi đánh bạc, Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1034/QĐ ngày 05/3/2020, đã chấp hành xong; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7- Nguyễn Thanh Bc7, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1964 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 3/12; quốc

tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết); và bà Quách Thị C; chồng là Hồ Bé N và có 01 con, sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8- Trần Thị Huỳnh Bc8, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1985 tại huyện An Minh, Kiên Giang. Giới tính nữ. Nơi ĐKTT và cư trú: ấp HL, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp 10C, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 6/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Trần Văn X; và bà Đào Thị V; chồng là Tạ Tấn T và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 21/12/2022, tại ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Công an huyện An Minh phối hợp với Công an xã ĐH B, huyện An Minh bắt quả tang tụ điểm đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài binh Ẩn Độ 06 lá ăn thua bằng tiền tại nhà bà Lê Thị Lq1. Tiến hành mời 11 đối tượng về Công an xã ĐH B làm việc và thu giữ số tang vật gồm: 01 (Một) chiếc chiếu, dùng để đánh bạc; 20 (Hai mươi) bộ bài tây, loại 52 lá; 03 (Ba) bao đựng bài, đã qua sử dụng; 147 (Một trăm bốn mươi bảy) lá bài, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 900.000 đồng.

Tại Cơ quan Công an các đối tượng khai nhận:

Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2022, các đối tượng gồm: Trần Văn Bc1, Sử Thị Bc2, Trần Thị Bc3, Phạm Thị Bc4, Lê Thị Bc5, Lê Thị Bc6, Nguyễn Thanh Bc7 và Trần Thị Huỳnh Bc8 cùng nhau đến nhà bà Lê Thị Lq1 chơi đánh bài binh Ẩn Độ 06 lá ăn thua bằng tiền. Cách thức chơi là chỉ lựa chọn 40 lá bài có số nút từ 01 đến 10 dùng để chơi, còn 12 lá bài có hình ghi (J), đằm (Q), già (K) thì bỏ ra, mỗi ván chơi gồm có 04 tụ, 01 tụ làm cái (Mỗi người làm cái một lúc), 03 tụ đặt cược, nhiều người chơi có thể đặt chung 01 tụ, số tiền cược của mỗi tụ thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng, mỗi tụ được chia 06 lá bài sau đó người chơi phân ra thành 02 chi, mỗi chi 03 lá bài, rồi cộng số nút trên 03 lá bài lại, nếu 10 nút là nhỏ nhất gọi là “bù” sẽ thua hết các tụ có số nút 01 đến 09. Đối chiếu kết quả với nhau, nếu người chơi nào có 02 chi đều lớn hơn thì thắng cược, nếu có 01 chi lớn 01 chi nhỏ thì hòa, 01 chi hòa 01 chi lớn hơn thì

thắng cược, các tụ chơi chỉ ăn thua với nhà cái mà không ăn thua với các tụ khác. Các đối tượng chơi đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an xã ĐH B bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng đều thừa nhận hành vi đánh bạc trái phép. Theo đó: Trần Văn Bc1 mang theo 3.500.000 đồng, thua hết 300.000 đồng còn lại 3.200.000 đồng; Lê Thị Bc5 mang theo 800.000 đồng, thua hết 300.000 đồng còn lại 500.000 đồng; Nguyễn Thanh Bc7 mang theo 500.000 đồng và thua hết; Trần Thị Bc3 mang theo 1.400.000 đồng, thua hết 400.000 đồng còn lại 1.000.000 đồng; Sử Thị Bc2 mang theo 500.000 đồng thua hết 50.000 đồng còn lại 450.000 đồng; Trần Thị Huỳnh Bc8 mang theo 1.900.000 đồng, hòa vốn không thắng không thua; Phạm Thị Bc4 mang theo 200.000 đồng, thua hết; Lê Thị Bc6 mang theo 750.000 đồng thua hết 200.000 đồng còn lại 550.000 đồng. Như vậy, số tiền các bị can mang theo dùng để đánh bạc là 9.550.000 đồng, cùng với 900.000 đồng thu tại chiếu bạc, nên xác định tổng số tiền đánh bạc là 10.450.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh đã thu giữ số vật chứng gồm: 01 (Một) chiếc chiếu, dùng để đánh bạc; 20 (Hai mươi) bộ bài tây, loại 52 lá; 03 (Ba) bao đựng bài, đã qua sử dụng; 147 (Một trăm bốn mươi bảy) lá bài, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-AM ngày 11/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Trần Văn Bc1, Sử Thị Bc2, Trần Thị Bc3, Phạm thị Bc4, Lê Thị Bc5, Lê Thị Bc6, Nguyễn Thanh Bc7, Trần Thị Huỳnh Bc8 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo phạm tội Đánh bạc. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc6 từ 09 đến 12 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Bc1, Trần Thị Bc3, Trần Thị Huỳnh Bc8 mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Phạm Thị Bc4, Lê Thị Bc5, Nguyễn Thanh Bc7, Sử Thị Bc2 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bổ sung theo quy định; về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định.

- Các bị cáo đều thừa nhận bản thân thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì. Bị cáo đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Bc2, Bc7, Bc4 xin được nhận lại số tiền bị tạm giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai người liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2022, tại ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Các bị cáo: Trần Văn Bc1, Sử Thị Bc2, Trần Thị Bc3, Phạm Thị Bc4, Lê Thị Bc5, Lê Thị Bc6, Nguyễn Thanh Bc7 và Trần Thị Huỳnh Bc8 có hành vi tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi đánh bài binh Ấn Độ 06 lá ăn thua bằng tiền, mỗi ván thắng thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an bắt quả tang. Qua điều tra xác định, tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.450.000 đồng.

[3] Về tội phạm: hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo đã trực tiếp đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài binh Ấn Độ, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; số tiền đánh bạc 10.450.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo Trần Văn Bc1, Sử Thị Bc2, Trần Thị Bc3, Phạm thị Bc4, Lê Thị Bc5, Lê Thị Bc6, Nguyễn Thanh Bc7, Trần Thị Huỳnh Bc8 phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với bà Lê Thị Lq1 có liên quan đến việc các bị cáo sử dụng địa điểm là nhà ở của bà Hoá để đánh bạc. Tuy nhiên khi các bị cáo đến đánh bạc bà Lq1 không có ở nhà nên không hay biết, nên không phải là đồng phạm. Vì vậy Viện kiểm sát không xử lý là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, tính chất của vụ án: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng đã gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội; bị cáo đánh bạc với số lượng người tham gia đánh bạc nên gây sự bất bình trong nhân dân. Vì vậy cần có hình thức xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi bị khởi tố, điều tra về hành vi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; Các bị cáo (trừ bị cáo Bc6) mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4.3] Về quyết định hình phạt: HĐXX thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tỏ rõ thái độ quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, tính chất phạm tội giản đơn. Trong quá trình lượng hình cần phân định rõ vai trò, số tiền, nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp. Bị cáo Bc6 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, sau đó bị xử phạt hành chính đều về hành vi đánh bạc nhưng không sửa đổi nên cần áp dụng hình phạt tù. Tuy nhiên, bị cáo đã thật sự ăn năn, đã được xóa án tích và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Đối với các bị cáo còn lại có số tiền đánh bạc ít, có nhân thân tốt, mới vi phạm lần đầu nên không cần áp dụng hình phạt tù, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là cũng đủ răn đe. Trong đó bị cáo Bc1 số tiền đánh bạc nhiều nhất nên hình phạt cao nhất; bị cáo Bc3, Bc8 số tiền đánh bạc nhiều nên trách nhiệm cao hơn các bị cáo còn lại. Thấy các bị cáo có nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập trong giai đoạn thi hành án.

[4.3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. HĐXX nhận thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung

để răn đe và phòng ngừa chung. Khi quyết định mức phạt có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh và khả năng thi hành án của bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp,

+ Đối với số tiền 900.000 đồng thu tại chiếu bạc và tiền các bị cáo dùng để đánh bạc (của Trần Văn Bc1 3.200.000 đồng; Lê Thị Bc5 500.000 đồng; Trần Thị Bc3 1.000.000 đồng; Sử Thị Bc2 450.000 đồng; Trần Thị Huỳnh Bc8 1.900.000 đồng; Lê Thị Bc6 550.000 đồng) được tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để sung công quỹ.

- Đối với các tang vật liên quan dùng để đánh bạc được tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu trên người của bị cáo Bc2, Bc4, Bc7 do không xác định được dùng để đánh bạc nên được trả lại cho các bị cáo (sau đi khấu trừ số tiền phải tịch thu).

[6] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Riêng bị cáo Bc5 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Bc1, Sử Thị Bc2, Trần Thị Bc3, Phạm Thị Bc4, Lê Thị Bc5, Lê Thị Bc6, Nguyễn Thanh Bc7, Trần Thị Huỳnh Bc8 phạm tội Đánh bạc.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Bc6 01 (một) năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2023).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Bc1 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc1 cho Ủy ban nhân dân xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Bc3 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc3 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Huỳnh Bc8 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc8 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sử Thị Bc2 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc2 cho Ủy ban nhân dân xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Bc4 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc4 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Bc5 15 (mười lăm) tháng cải tạo

không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc5 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Bc7 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bc7 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

1.9- Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 321 và Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Thị Bc6, Trần Văn Bc1, Trần Thị Huỳnh Bc8, Trần Thị Bc3, Lê Thị Bc5, Nguyễn Thanh Bc7, Phạm Thị Bc4, Sử Thị Bc2 mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: số tiền 900.000 đồng thu tại chiếu bạc (cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1015043.00000 của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện An Minh vào ngày 21/02/2023); tiền các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: bị cáo Bc1 là 3.200.000 đồng, khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng nộp tại biên lai số 0003971 ngày 21/3/2023, buộc bị cáo Bc1 phải nộp tiếp 700.000 đồng; bị cáo Bc5 là 500.000 đồng, khấu trừ số tiền 500.000 đồng nộp tại biên lai số 0003968 ngày 21/3/2023, bị cáo Bc5 đã nộp xong; bị cáo Bc3 là 1.000.000 đồng, buộc bị cáo nộp số tiền này để sung công quỹ; bị cáo Bc2 là 450.000 đồng, khấu trừ số tiền 13.009.000 đồng nộp tại biên lai số 0003973 ngày 21/3/2023, bị cáo Bc2 còn được nhận 12.559.000 đồng; bị cáo Bc8 là 1.900.000 đồng, khấu trừ số tiền 70.000 đồng nộp tại biên lai số 0003970 ngày 21/3/2023, buộc bị cáo Bc8 phải nộp tiếp 1.830.000 đồng; bị cáo Bc6 là 550.000 đồng, khấu trừ số tiền 490.000 đồng nộp tại biên lai số 0003974 ngày 21/3/2023, buộc bị cáo Bc6 phải nộp tiếp 60.000 đồng.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) chiếc chiếu, dùng để đánh bạc; 20 (Hai mươi) bộ bài tây, loại 52 lá; 03 (Ba) bao đựng bài, đã qua sử dụng; 147 (Một trăm bốn mươi bảy) lá bài, đã qua sử dụng (hiện do Chi cục Thi hành án dân sự

huyện An Minh đang bảo quản theo quyết định chuyển giao vật chứng số 15/QĐ-VKS-AM ngày 11/4/2023 của VKSND huyện An Minh).

+ Trả lại cho bị cáo Bc7 số tiền 5.065.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003969 ngày 21/3/2023; Phạm Thị Bc4 số tiền 11.300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003972 ngày 21/3/2023.

3- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bc6, Bc1, Bc8, Bc3, Bc4, Bc7, Bc2 mỗi bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Bc5 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24-10-2023)./.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- UBND X. ĐH B + X. ĐH A, AM, KG;
- UBND X. BB, H. Thới Bình, Cà Mau;
- UBND X. TH, H. Trần Văn Thời, Cà Mau;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công